

PHẦN MỀM QUẢN LÝ HỢP ĐỒNG MÔI TRƯỜNG

(AireLeaf Ver.0)

TÀI LIỆU THIẾT KẾ GIAO DIỆN



Bản thiết kế giao diện phần mềm AireLeaf Ver.0

Phiên bản 1.0

NHÓM 6

Ngày tạo 01/11/2024

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU, HÌNH VẼ, ĐỒ THỊ	1
I. Mục đích tài liệu	3
II. Logo	3
1. Giới thiệu logo phần mềm.....	3
2. Giới thiệu về Logo nhóm phát triển phần mềm:	6
III. Class Diagram	12
IV. Sequence Diagram	13
1. Đăng nhập	13
2. Quên mật khẩu	13
3. Đăng xuất	13
4. Chat bot thông báo	14
5. Quản lý nhân viên.....	14
6. Quản lý khách hàng	15
7. Quản lý hợp đồng	15
8. Quản lý mẫu quan trắc	16
9. Quản lý phiếu trả hàng	16
10. Sao lưu và phục hồi dữ liệu	17
V. Màn hình	18
1. Đăng nhập	18

2.	Quên mật khẩu	19
3.	Đổi mật khẩu.....	21
4.	Trang chủ	23
5.	Quản lý nhân viên.....	24
6.	Quản lý khách hàng	26
7.	Quản lý hợp đồng	27
8.	Quản lý mẫu quan trắc	29
9.	Quản lý phiếu trả hàng	31
10.	Sao lưu và phục hồi dữ liệu	33
11.	Thêm nhân viên	35
12.	Thêm khách hàng.....	36
13.	Thêm hợp đồng.....	37
14.	Thêm mẫu quan trắc	39
15.	Lọc thông tin khách hàng.....	42
16.	Lọc thông tin hợp đồng.....	42
17.	Lọc thông tin mẫu quan trắc.....	44
18.	Xuất phiếu trả hàng	45
19.	Thông báo qua email	45
20.	Hiệu suất nhân viên	46
21.	Tra cứu lịch sử chỉnh sửa	48
22.	Liên hệ và trợ giúp	49

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU, HÌNH VẼ, ĐỒ THỊ

Hình 1. 1 Bảng màu logo phần mềm	3
Hình 1. 2 Logo phần mềm không có background	4
Hình 1. 3 Logo phần mềm background đen	4
Hình 2. 1 Logo team phát triển phần mềm không có background và background đen.....	7
Hình 2. 2 Ảnh nền không phù hợp với logo	7
Hình 2. 3 Bảng màu slogan của logo InnoTrain.....	8
Hình 2. 4 Bảng màu khối cube và tên logo InnoTrain	8
Hình 2. 5 Ảnh hệ thống lưới logo team	9
Hình 2. 6 Vùng an toàn logo team.....	10
Hình 3. 1 Class Diagram.....	12
Hình 4. 1 Sequence diagram đăng nhập	13
Hình 4. 2 Sequence diagram quên mật khẩu	13
Hình 4. 3 Sequence diagram đăng xuất	14
Hình 4. 4 Sequence diagram chat bot thông báo	14
Hình 4. 5 Sequence diagram quản lý nhân viên	15
Hình 4. 6 Sequence diagram quản lý khách hàng.....	15
Hình 4. 7 Sequence diagram quản lý hợp đồng.....	16
Hình 4. 8 Sequence diagram quản lý mẫu quan trắc	16
Hình 4. 9 Sequence diagram quản lý phiếu trả hàng	17
Hình 4. 10 Sequence diagram sao lưu và phục hồi dữ liệu	17
Hình 5. 1 UI Đăng nhập.....	18

Hình 5. 2 UI khôi phục mật khẩu	20
Hình 5. 3 UI đổi mật khẩu	22
Hình 5. 4 UI trang chủ	23
Hình 5. 5 UI quản lý nhân viên.....	25
Hình 5. 6 UI quản lý khách hàng.....	27
Hình 5. 7 UI quản lý hợp đồng	28
Hình 5. 8 UI quản lý mẫu quan trắc.....	30
Hình 5. 9 UI quản lý phiếu trả hàng	32
Hình 5. 10 UI sao lưu và phục hồi.....	34
Hình 5. 11 UI thêm thông tin nhân viên	35
Hình 5. 12 UI thêm thông tin khách hàng	37
Hình 5. 13UI thêm thông tin hợp đồng.....	38
Hình 5. 14 UI thêm mẫu quan trắc	40
Hình 5. 15 UI lọc thông tin khách hàng.....	42
Hình 5. 16UI lọc thông tin hợp đồng.....	43
Hình 5. 17 UI lọc mẫu quan trắc.....	44
Hình 5. 18 UI xuất phiếu trả hàng	45
Hình 5. 19 UI thông báo Email cho nhân viên	46
Hình 5. 20 UI hiệu suất nhân viên	47
Hình 5. 21 Liên hệ trợ giúp.....	50

I. Mục đích tài liệu

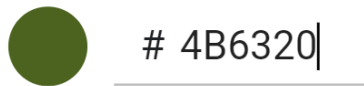
Tài liệu thiết kế này nhằm cung cấp cho lập trình viên những kiến thức cần thiết, đồng thời hướng dẫn họ tạo ra giao diện phần mềm một cách chuyên nghiệp và hấp dẫn, giúp họ có khả năng xây dựng các giao diện người dùng tốt nhất cho ứng dụng của mình.

II. Logo

1. Giới thiệu logo phần mềm

1.1. Hình ảnh

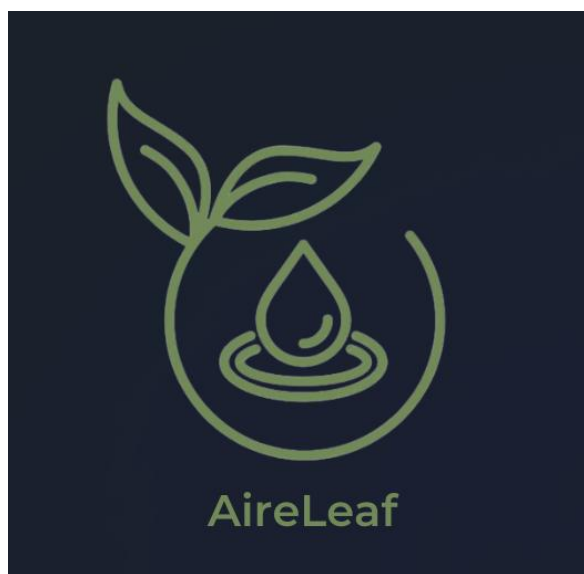
Bảng màu theo hệ HEX gồm:



Hình 1. 1 Bảng màu logo phần mềm



Hình 1. 2 Logo phần mềm không có background



Hình 1. 3 Logo phần mềm background đen

1.2. Yêu cầu thiết kế

- **Hình ảnh:** lấy ý tưởng từ yêu cầu phần mềm, đơn giản, không cầu kì nhưng vẫn tạo nên ý nghĩa riêng biệt của logo liên với phần mềm.
- **Màu sắc:** Tối giản, màu sắc hài hòa, phù hợp trên cả nền đen, trắng và nổi bật so với tổng thể, tạo thiện cảm khi nhìn vào.
- **Kích thước:** 500 x 500 px, có thể thay đổi theo yêu cầu của người dùng.

1.3. Hình ảnh và ý nghĩa logo

- *Hình ảnh biểu tượng :*

- **Lá cây nẩy mầm:** Hình ảnh một chiếc lá mềm mại tượng trưng cho sự phát triển bền vững và sức sống, thể hiện cam kết của phần mềm trong việc hỗ trợ và bảo vệ hệ sinh thái.
- **Giọt nước:** Giọt nước rơi vào một vòng tròn gọn sóng đại diện cho tác động tích cực, sự lan tỏa và tầm ảnh hưởng của phần mềm trong việc giám sát và duy trì môi trường tự nhiên.
- **Đường nét vòng tròn:** Vòng cung bao quanh biểu tượng tượng trưng cho tính toàn diện, sự bảo vệ và kết nối giữa các yếu tố thiên nhiên và công nghệ.

- *Ý nghĩa biểu tượng*

- **Lá cây:** Hình ảnh này nhấn mạnh vai trò của phần mềm trong việc giám sát hệ sinh thái và hỗ trợ phát triển các môi trường bền vững, đặc biệt trong các lĩnh vực như nông nghiệp, bảo tồn, hoặc quản lý chất lượng không khí.
- **Giọt nước:** Giọt nước thể hiện sự cân bằng và chu trình tự nhiên, mang ý nghĩa bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên và sự hài hòa giữa công nghệ với môi trường.
- **Tổng thể biểu tượng:** Thiết kế kết hợp nhịp nhàng giữa yếu tố công nghệ và thiên nhiên, phản ánh mục tiêu của phần mềm AireLeaf trong việc hỗ trợ quản lý và giám sát môi trường một cách toàn diện.
- **'AireLeaf ':** Tên gọi kết hợp giữa "Aire" và "Leaf" thể hiện sự tập trung của phần mềm vào việc giám sát chất lượng không khí và đời sống thực vật. Nó phản ánh vai trò của phần mềm trong việc theo dõi, phân tích và quan trắc môi trường, đảm bảo chất lượng không khí và các hệ sinh thái, từ đó góp phần bảo vệ môi trường bền vững.
- **Font chữ Montserrat :** Đây là font chữ hiện đại, không chân (sans-serif), với đường nét tối giản, dễ đọc, phù hợp với các sản phẩm công nghệ.

Ý nghĩa:

- Gợi cảm giác tin cậy và chuyên nghiệp: Các nét chữ đều, rõ ràng thể hiện sự ổn định và chính xác, phù hợp với tính chất của phần mềm quan trắc.
- Thân thiện và gần gũi: Mặc dù là font không chân, Montserrat vẫn có nét mềm mại trong thiết kế, giúp tạo thiện cảm với người dùng.
- Trẻ trung và hiện đại: Thể hiện phần mềm có tính sáng tạo và công nghệ cao.

2. Giới thiệu về Logo nhóm phát triển phần mềm:

2.1. Ý tưởng :

- **Hình ảnh:** được thiết kế liên quan đến kỹ thuật, tạo nên ý nghĩa riêng biệt của logo gắn liền với ý nghĩa của tên nhóm phát triển.
- **Màu sắc:** Tối giản, màu sắc hài hòa, phù hợp trên cả nền đen, trắng và nổi bật so với tổng thể phần mềm, tạo thiện cảm khi người dùng nhìn vào.
- **Kích thước:** 500 x 500 px, có thể thay đổi theo yêu cầu của người dùng.
- **Font chữ:** Logo dùng font “Barlow” mang lại cảm giác chuyên nghiệp và dễ đọc, đáng tin cậy cho khách hàng, Slogan dùng font “Sary” mềm mại, thanh thoát tạo cảm giác sáng tạo, thể hiện sự đổi mới, linh hoạt đối với công nghệ tiên tiến.

2.2. Màu nền

- Với logo, những màu nền hợp sẽ có :
 - Tông màu sáng: màu trắng, xám nhạt hoặc bạc, giúp cho logo nổi bật, tăng độ tương phản với màu xanh lam, giữ logo dễ đọc, tạo sự tinh tế, chuyên nghiệp.
 - Tông màu tối: màu xanh đậm giúp tạo sự hài hòa làm logo không bị chìm, màu đen làm cho logo nổi bật với sự tương phản cao, đặc biệt phù hợp khi muốn tạo cảm giác chuyên nghiệp, nghiêm túc.
- Với những màu nền không hợp với logo:
 - Màu xanh lam nhạt hoặc cùng tông xanh lam: làm logo bị chìm vì quá giống màu của logo, làm thiếu sự nổi bật.

- Màu vàng nhạt, hồng đậm, đỏ tươi, xanh lá cây sáng: có thể làm logo trở nên khó đọc, thiếu sự chuyên nghiệp, dễ gây cảm giác khó chịu cho người dùng.



Hình 2. 1 Logo team phát triển phần mềm không có background và background đen



Hình 2. 2 Ảnh nền không phù hợp với logo

2.3. Màu sắc

Bảng màu theo hệ HEX gồm :

- Màu chữ slogan : tông màu xanh lam nhạt pha chút xanh ngọc, mang ý nghĩa tươi mới, trẻ trung, kết hợp với sự đổi mới tạo một tương lai sáng tạo, phù hợp với “sáng tạo không ngừng” của InnoTrain.



5CE0E6

Hình 2. 3 Bảng màu slogan của logo InnoTrain

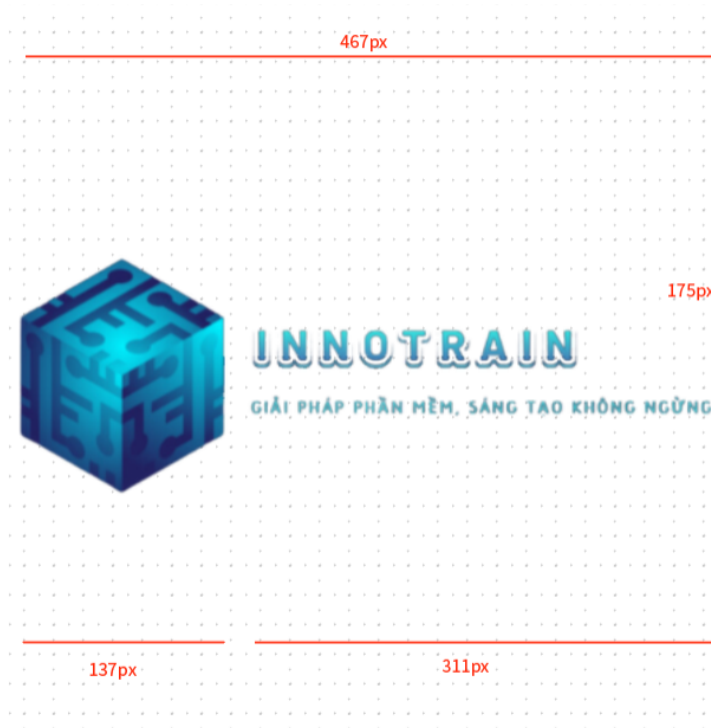
- Màu gradient của của tên nhóm và khối cube: sự chuyển đổi từ màu sáng đến một màu trầm sâu lắng, thể hiện quá trình phát triển và chiều sâu trong giải pháp và tư duy, màu trầm tượng trưng cho nền tảng vững chắc cho các sản phẩm của InnoTrain.



Hình 2. 4 Bảng màu khối cube và tên logo InnoTrain

2.4. Hệ thống lưới

- Hệ thống lưới trong thiết kế logo dùng để đảm bảo sự hài hòa, cân đối, tạo cảm giác trực quan khi người xem nhìn vào.
- Hệ thống lưới của logo InnoTrain mang lại sự cân đối, kích thước phần tử được chia hợp lý. Phần biểu tượng (khối lập phương 3D) và phần chữ (INNOTRAIN và slogan) có khoảng cách tương đối cân đối, tạo sự hài hòa. Ngoài ra, hệ thống lưới với giá trị pixel giúp định vị vị trí của các phần tử, đảm bảo chữ và biểu tượng không bị lệch.



Hình 2. 5 Ảnh hệ thống lưới logo team

2.5. Vùng an toàn

- Vùng an toàn của logo là khoảng cách xung quanh logo tối thiểu cần được để trống để đảm bảo logo không bị lẫn với các yếu tố khác như văn bản, hình ảnh,... giúp cho logo vẫn duy trì sự nổi bật và dễ đọc.
- Khi đặt logo hoặc thiết kế logo lên các hình ảnh, tài liệu, website, hay ứng dụng, hãy luôn duy trì vùng an toàn này để đảm bảo logo InnoTrain được hiển thị rõ ràng và hiệu quả nhất.



Hình 2. 6 Vùng an toàn logo team

2.6. Ý nghĩa logo

- Biểu tượng :

- Khối lập phương 3D : Logo của InnoTrain sử dụng hình ảnh khối lập phương 3D, khối này gợi lên cảm giác về công nghệ và sự sáng tạo, thể hiện sự vững chắc trong sản phẩm của công ty. Khối lập phương tượng trưng cho sự kết nối, như một hệ thống phần mềm liên kết chặt chẽ với nhau.
- Đường nét và chi tiết bên trong khối lập phương 3D: Các đường nét bên trong khối lập phương tạo ra hiệu ứng như mê cung hoặc các mạch điện tử, tượng trưng cho sự hiện đại và sự phức tạp của hệ thống phần mềm, phản ánh khả năng giải quyết các vấn đề phức tạp của công ty thông qua sự đổi mới và sáng tạo.

- Tên nhóm - **Innovation Train** (Tàu sáng tạo): "Train" cũng có thể được hiểu là một con tàu, tượng trưng cho sự tiến bộ và không ngừng di chuyển về phía trước. "InnoTrain" thể hiện hình ảnh một đội ngũ luôn di chuyển, không ngừng đổi mới và dẫn đầu trong lĩnh vực phát triển phần mềm.

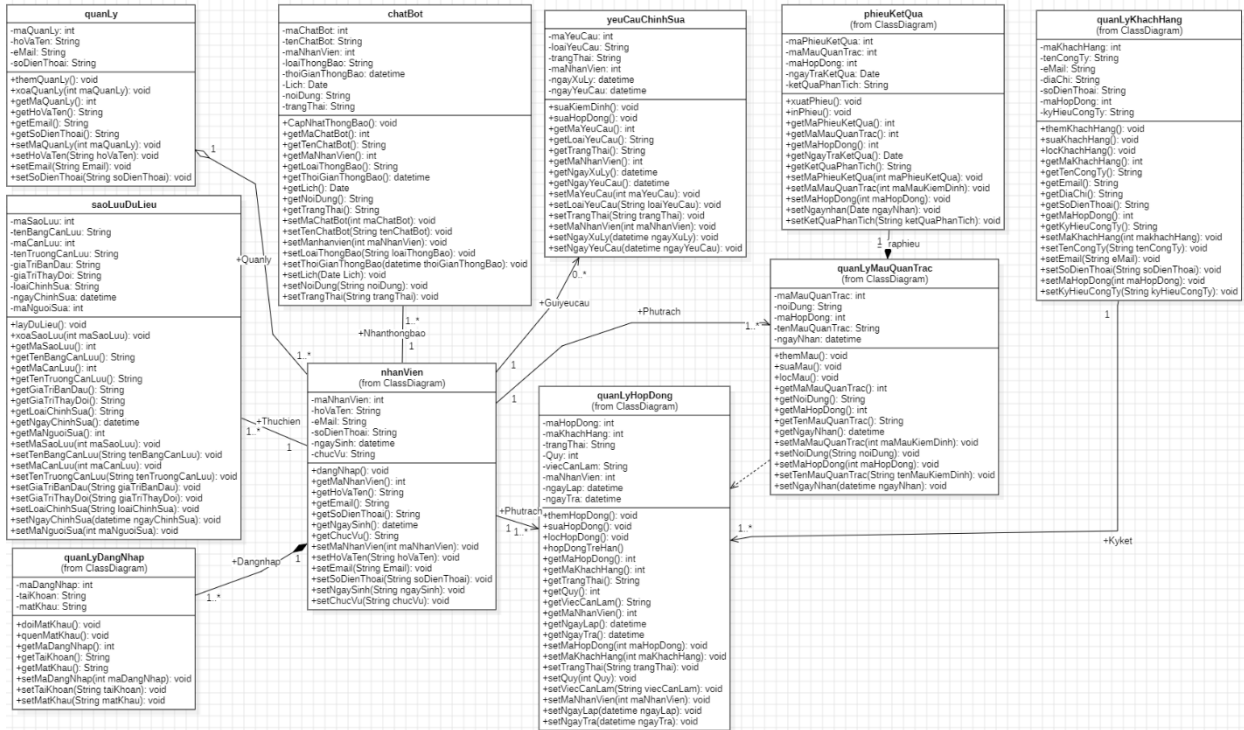
- Slogan (Giải pháp phần mềm, Sáng tạo không ngừng)

- **Giải pháp phần mềm:** Đề cập đến các sản phẩm và dịch vụ mà công ty cung cấp, bao gồm phần mềm tùy chỉnh, ứng dụng di động, hệ thống quản lý, và

các giải pháp công nghệ khác. Điều này cho thấy công ty chuyên sâu vào lĩnh vực phát triển phần mềm.

- **Sáng tạo không ngừng:** Nhấn mạnh sự cam kết của công ty đối với việc cải tiến và đổi mới liên tục. Điều này nghĩa là công ty không chỉ cung cấp các giải pháp hiện có mà còn luôn tìm kiếm những ý tưởng mới, công nghệ tiên tiến và phương pháp sáng tạo để đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.

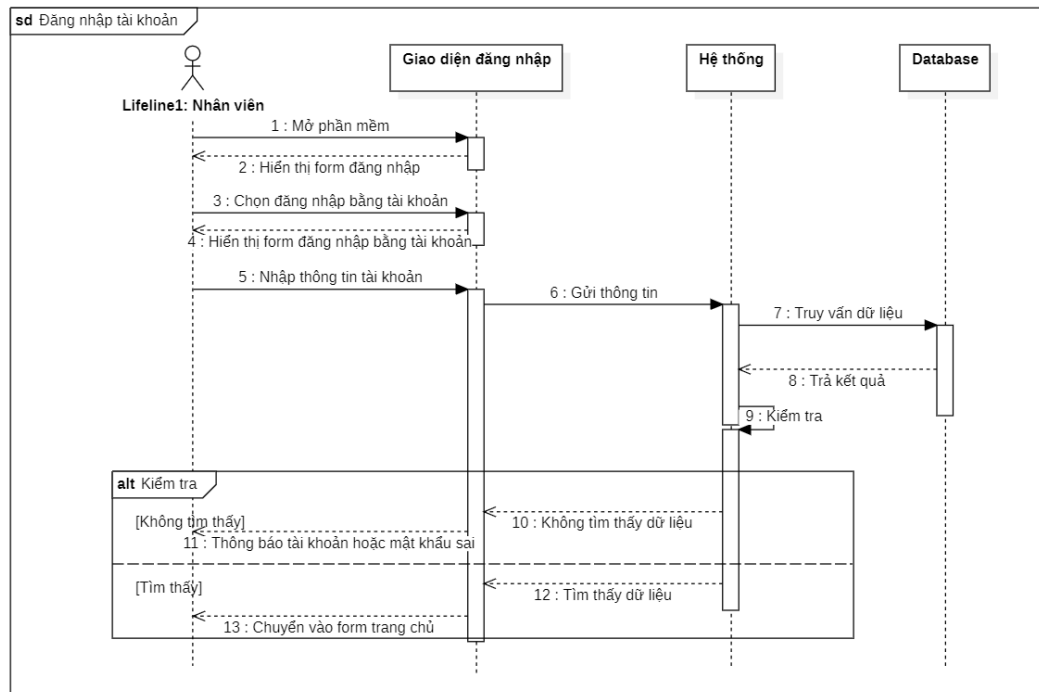
III. Class Diagram



Hình 3. 1 Class Diagram

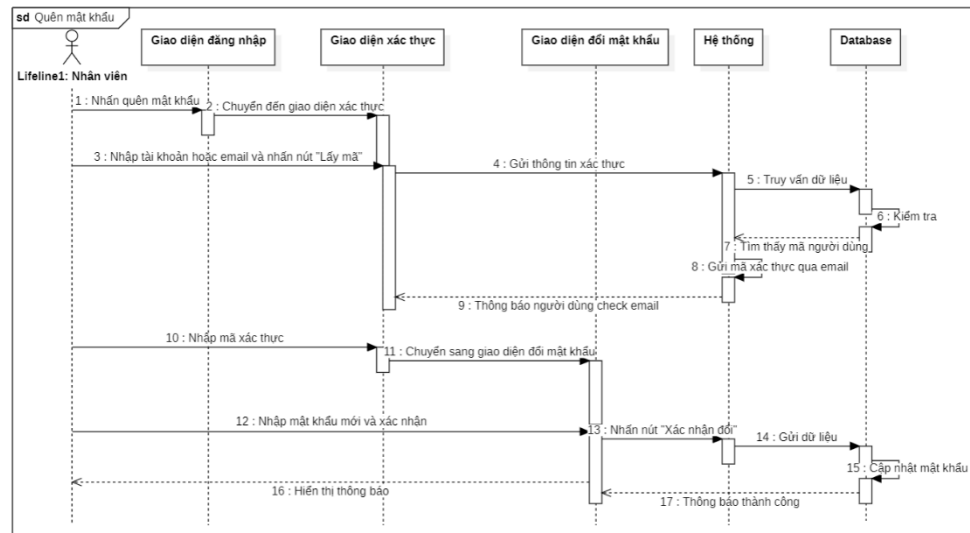
IV. Sequence Diagram

1. Đăng nhập



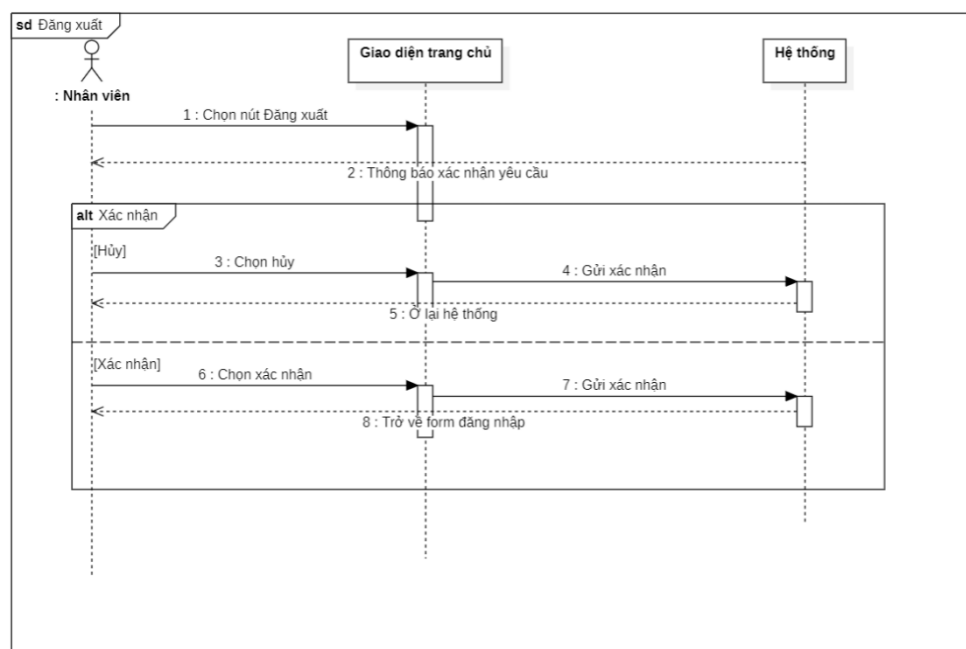
Hình 4. 1 Sequence diagram đăng nhập

2. Quên mật khẩu



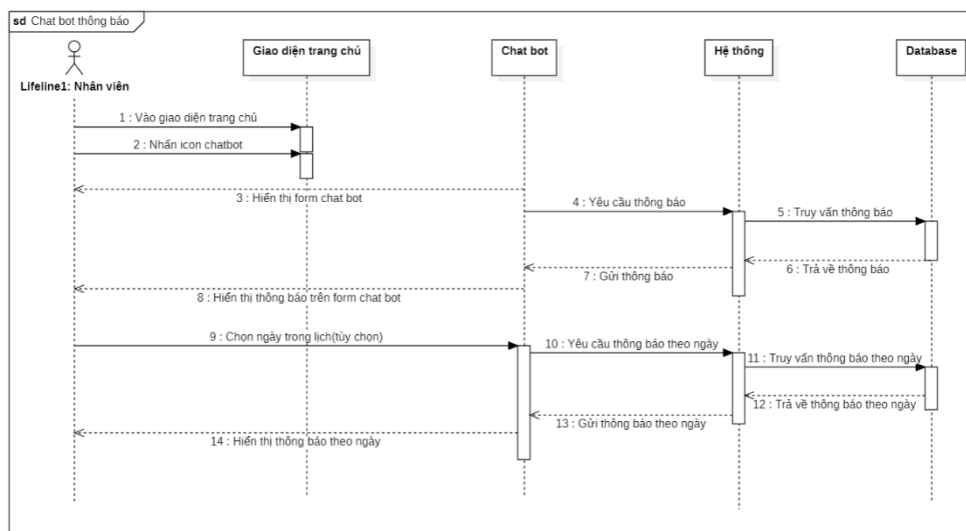
Hình 4. 2 Sequence diagram quên mật khẩu

3. Đăng xuất



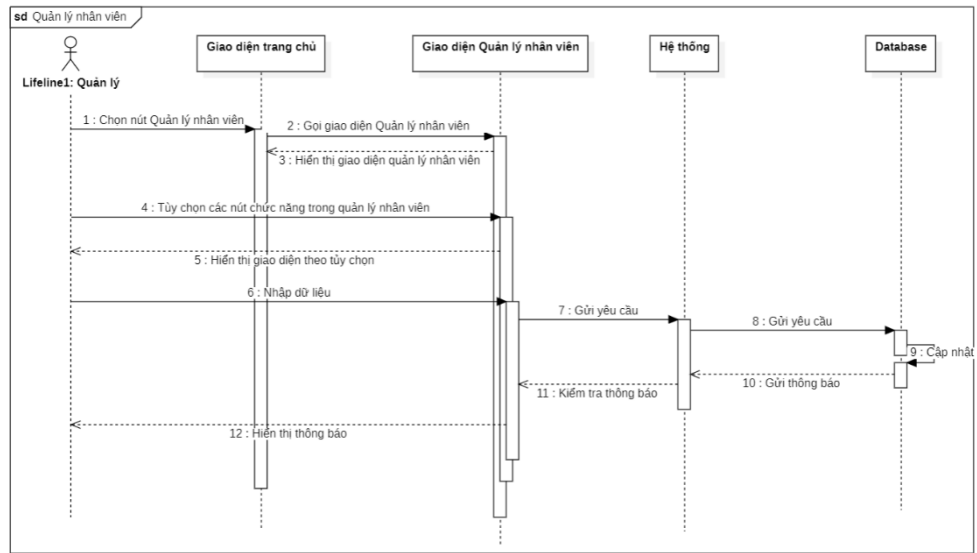
Hình 4. 3 Sequence diagram đăng xuất

4. Chat bot thông báo



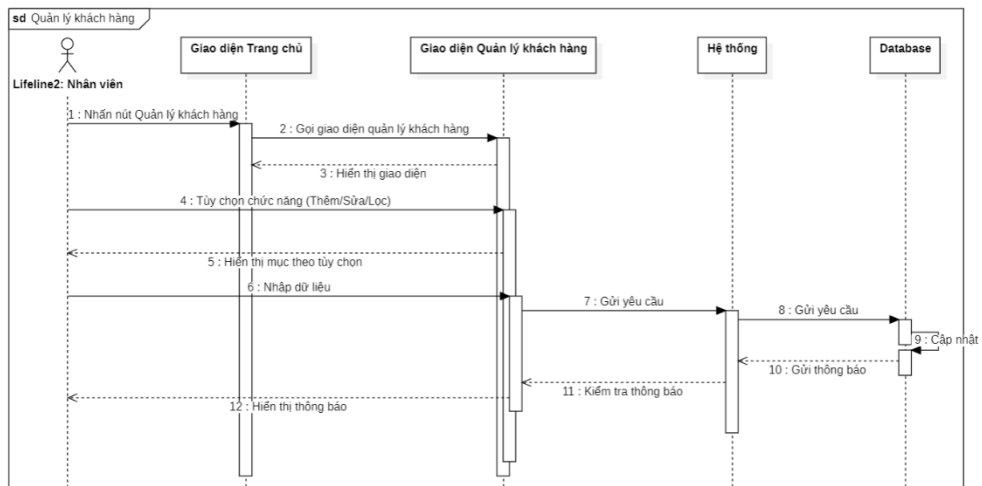
Hình 4. 4 Sequence diagram chat bot thông báo

5. Quản lý nhân viên



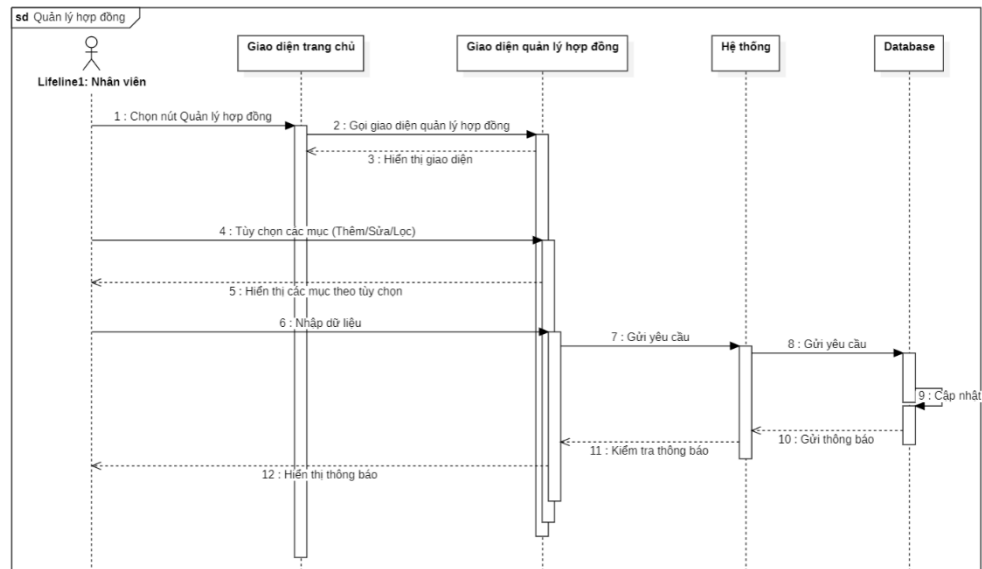
Hình 4. 5 Sequence diagram quản lý nhân viên

6. Quản lý khách hàng



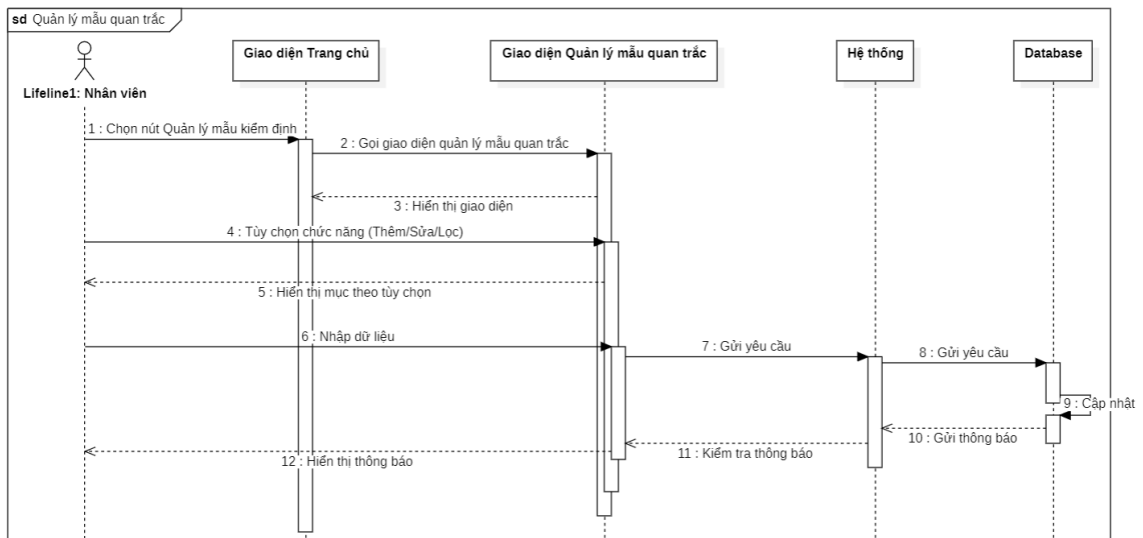
Hình 4. 6 Sequence diagram quản lý khách hàng

7. Quản lý hợp đồng



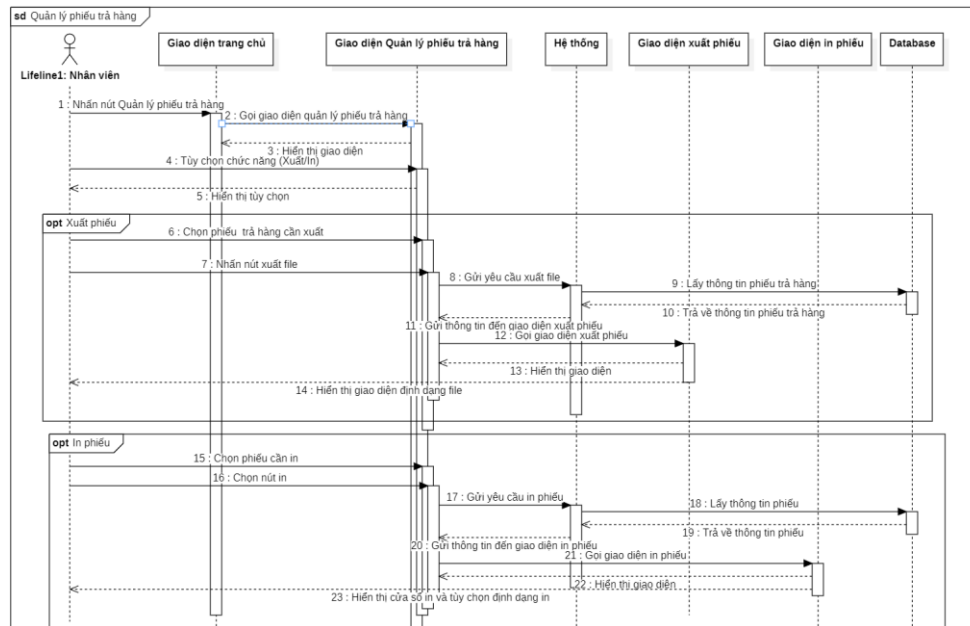
Hình 4. 7 Sequence diagram quản lý hợp đồng

8. Quản lý mẫu quan trắc



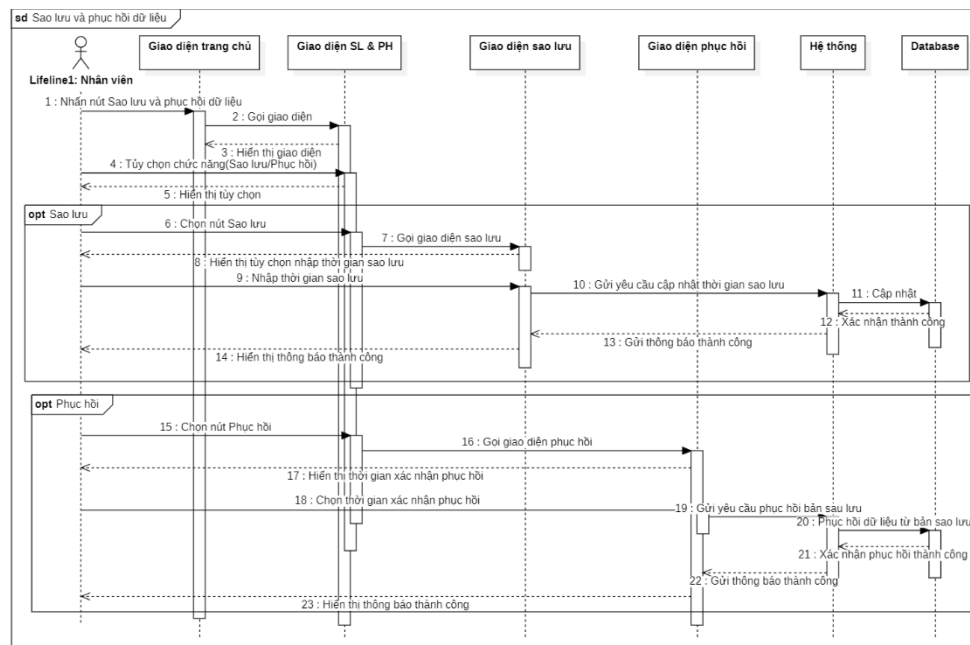
Hình 4. 8 Sequence diagram quản lý mẫu quan trắc

9. Quản lý phiếu trả hàng



Hình 4. 9 Sequence diagram quản lý phiếu trả hàng

10. Sao lưu và phục hồi dữ liệu



Hình 4. 10 Sequence diagram sao lưu và phục hồi dữ liệu

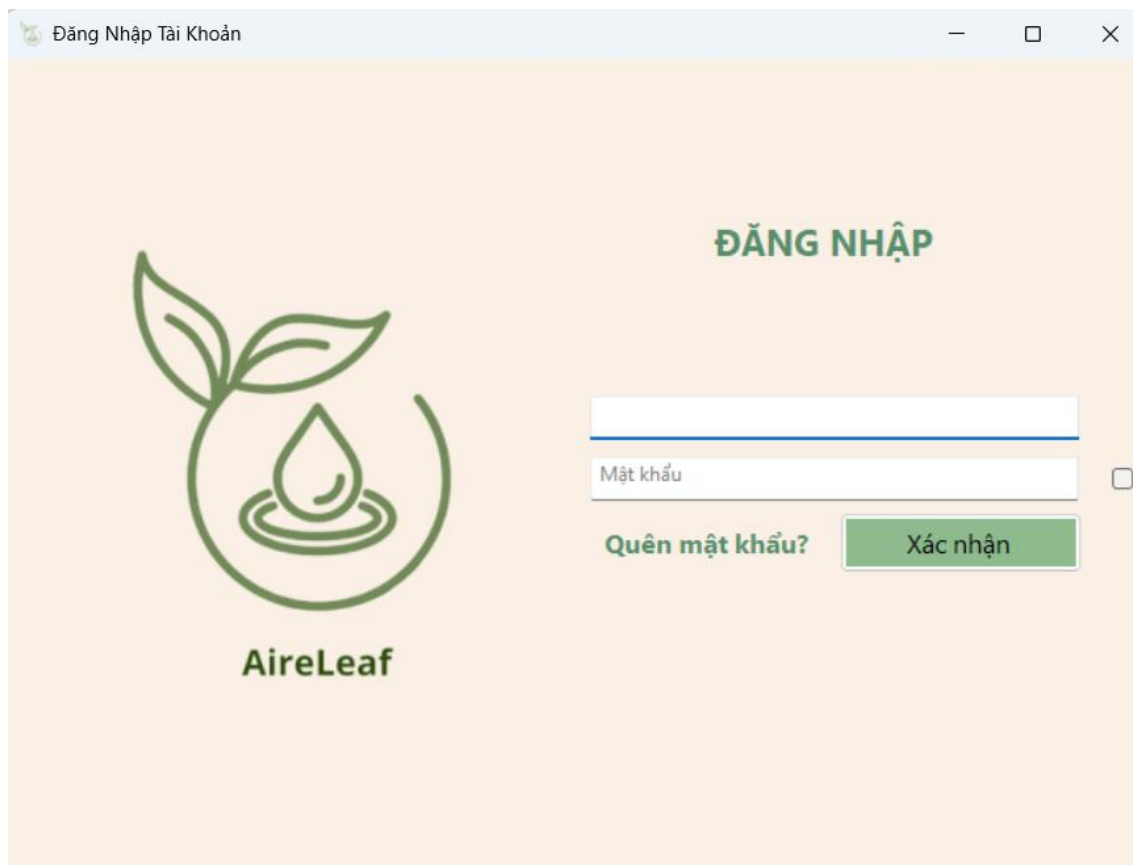
V. Màn hình

1. Đăng nhập

1.1. Main flow

Screen	Đăng nhập.
Description	Màn hình đăng nhập vào hệ thống.
Screen Access	Màn hình đăng nhập là màn hình đầu tiên mà người dùng nhìn thấy được khi sử dụng hệ thống.

1.2. User Interface



Hình 5. 1 UI Đăng nhập

1.3. Validation Rule/ Data Mapping

Field	Type	Description
-------	------	-------------

Mã người dùng	Textbox	Tên người dùng So sánh với dbo.QUANLYDANGNHAP.Madangnhap
Mật khẩu	Textbox	Mật khẩu người dùng So sánh với dbo.QUANLYDANGNHAP.Matkau
Đăng nhập	Button	Nút đăng nhập Chuyển sang màn hình chính nếu dữ liệu tên tài khoản và mật khẩu đúng
Quên mật khẩu	Label	Quên mật khẩu Chuyển sang màn hình quên mật khẩu nếu dữ liệu đúng
Ẩn mật khẩu	Radiobutton	Nút ẩn mật khẩu Khi check vào sẽ ẩn đi mật khẩu nhập vào

2. Quên mật khẩu

2.1 Main flow

Screen	Quên mật khẩu.
Description	Là giao diện để người dùng xác nhận danh tính để tiến hành bước đổi mật khẩu khi đã quên..
Screen Access	Màn hình này xuất hiện sau khi người dùng lựa chọn nút quên mật khẩu ở màn hình đăng nhập. Người dùng nhập mã người dùng, sau đó lấy mã xác nhận mới có thể xác minh.

2.2 User Interface

Hình 5. 2 UI khôi phục mật khẩu

2.3 Validation Rule/ Data Mapping

Field	Type	Description
Mã người dùng/Email	Textbox	Mã người dùng So sánh với dbo.QUANLYDANGNHAP.MaDangNhap
Mã xác nhận	Textbox	Mã xác nhận Mã xác nhận mà người dùng nhận được qua email đã đăng kí trước khi tạo tài khoản
Lấy mã	Button	Nút lấy mã Kích hoạt chức năng gửi mã xác nhận qua email

Xác thực	Button	Nút xác minh Nếu so sánh đúng mã thì chuyển đến màn hình khôi phục mật khẩu
----------	--------	--

3. Đổi mật khẩu

3.1. Main flow

Screen	Trang đổi mật khẩu
Description	Đây là cửa sổ để đổi mật khẩu sau khi đã xác nhận ở phần xác nhận quên mật khẩu
Screen Access	Màn hình này xuất hiện sau khi người dùng hoàn tất quá trình xác nhận. Người dùng có thể nhập mật khẩu mới rồi đổi hoặc đăng nhập bằng mã xác nhận bằng cách nhấn các nút tương ứng trên màn hình.

3.2. User Interface



Hình 5. 3 UI đổi mật khẩu

3.3. Validation Rule/Data Mapping

Field	Type	Description
Mật khẩu mới	Textbox	Mật khẩu mới Người dùng gõ vào mật khẩu mới
Nhập lại mật khẩu	Textbox	Xác nhận mật khẩu Người dùng gõ vào mật khẩu một lần nữa để xác nhận
Xác nhận đổi	Button	Nút đổi mật khẩu

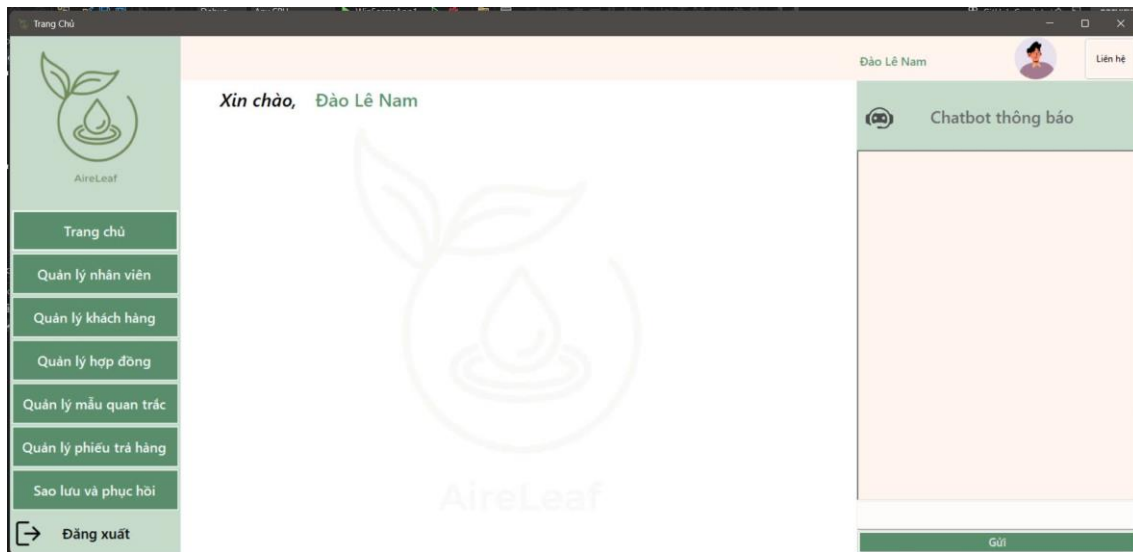
		Kích hoạt nút sẽ tiến hành đổi giá trị dbo.QUANLYDANGNHAP.Matkhou bằng giá trị người dùng đã nhập
--	--	---

4. Trang chủ

4.1. Main flow

Screen	Trang chủ
Description	Đây là cửa sổ tương tác chính của phần mềm, gồm các lựa chọn chức năng khi người dùng đã đăng nhập vào tài khoản.
Screen Access	Màn hình này xuất hiện sau khi người dùng hoàn tất quá trình đăng nhập. Người dùng chọn các nút chức năng để vào các giao diện chức năng. Điều này có thể khác nhau ở mỗi nhân viên được phân quyền.

4.2. User Interface



Hình 5. 4 UI trang chủ

4.3. Validation Rule/Data Mapping

Field	Type	Description
-------	------	-------------

Quản lý hợp đồng	Button	Chức năng Quản lý hợp đồng
Quản lý mẫu quan trắc	Button	Chức năng Quản lý mẫu quan trắc
Quản lý khách hàng	Button	Chức năng quản lý khách hàng
Quản lý phiếu trả hàng	Button	Chức năng quản lý phiếu trả hàng
Quản lý nhân viên	Button	Chức năng quản lý nhân viên
Sao lưu và phục hồi dữ liệu	Button	Sao lưu và phục hồi dữ liệu
Đăng xuất	Button	Thoát hệ thống

5. Quản lý nhân viên

5.1. Main flow

Screen	Quản lý nhân viên
Description	Đây là chức năng quản lý nhân viên
Screen Access	Màn hình này xuất hiện sau khi người quản lý nhấn nút Quản lý nhân viên. Tại đây người dùng quản lý có thể quản lý nhân viên của mình tùy theo chức năng lựa chọn

5.2. User Interface

Trang Chủ

Thêm Sửa Lọc Thông báo Email Hiệu suất Tra cứu lịch sử Liên hệ và Hỗ trợ

Đào Lê Nam

Thông tin Nhân Viên

Mã nhân viên: CMQ Chức vụ: Nhân viên

Tên nhân viên: Cao Minh Quân Ngày sinh: 14/06/1999

Email: 415quanco@gmail.com Số điện thoại: 0945238941

Hủy Lưu

Trang chủ	Mã nhân viên	Họ và tên	Ngày sinh	Số điện thoại	Chức vụ	Email
Quản lý nhân viên	CMQ	Cao Minh Quân	14/06/1999	0945238941	Nhân viên	415quanco@gmail.com
Quản lý khách hàng	LHA	Lê Hoàng Anh	20/08/1992	094567890	Nhân viên	lehoanganh@gmail.com
Quản lý hợp đồng	LHHV	Lê Nguyễn Hoàng Vương	15/12/1995	0945678901	Nhân viên	lenguynhoangvuong81@gmail.com
Quản lý mẫu quan trắc	NVH	Nguyễn Văn Hùng	01/01/1990	0912345678	Nhân viên	nguyenvanhung@gmail.com
Quản lý phiếu trả hàng	TTM	Trần Thị Mai	12/05/1985	0923456789	Nhân viên	tranthimai@gmail.com
Sao lưu và phục hồi						
Đăng xuất						

Hình 5. 5 UI quản lý nhân viên

5.3. Validation Rule/ Data Mapping

Field	Type	Description
Thêm	Menuitem	Chức năng thêm thông tin nhân viên. chèn dữ liệu vào bảng dbo.Quanlynhanvien.
Sửa	Menuitem	Chức năng sửa thông tin nhân viên, cập nhật dữ liệu trong dbo.Quanlynhanvien
Lọc	Menuitem	Chức năng lọc thông tin nhân viên theo điều kiện
Liên hệ&Hỗ trợ	Menuitem	Liên hệ với nhóm phát triển khi muốn trợ giúp
Thông báo Email	Menuitem	Thông báo cho nhân viên bằng email
Tra cứu lịch sử	Menuitem	Quản lý tra cứu lịch sử chỉnh sửa của nhân viên
Thông tin Nhân viên	Groupbox	Thông tin một nhân viên

Mã nhân viên	Textbox	Mã nhân viên
Tên nhân viên	Textbox	Tên nhân viên
Email	Textbox	Email
Chức vụ	Combobox	Chức vụ
Ngày sinh	Datetimepicker	Ngày sinh
Số điện thoại	Textbox	Số điện thoại
Hủy	Button	Hủy các thao tác hiện tại mà không lưu thay đổi.
Lưu	Button	Lưu dữ liệu sau khi đã thao tác xong, cập nhật các thay đổi vào dbo.Quanlynhanvien.

6. Quản lý khách hàng

6.1. Main flow

Screen	Quản lý khách hàng
Description	Đây là cửa sổ để quản lý khách hàng
Screen Access	Màn hình này xuất hiện sau khi người dùng lựa chọn chức năng Quản lý khách hàng. Người dùng có thể sử dụng các trường để chọn lựa thông tin phù hợp rồi sử dụng các nút chức năng tùy chọn

6.2. User Interface

Mã khách hàng	Tên công ty	Email	Địa chỉ	Mã hợp đồng	Số điện thoại	Người đại diện
KH001	Công ty ABC	abc@company.com	123 Đường ABC, Quận 1, TP.H...	24.001	0123456789	Nguyễn Văn A
KH002	Công ty XYZ	xyz@company.com	456 Đường XYZ, Quận 2, TP.H...	24.002	0987654321	Tần Văn C
KH003	Công ty DEF	def@company.com	789 Đường DEF, Quận 3, TP.H...	24.003	0123456780	Nguyễn Thành Nam
KH004	Công ty GHI	ghi@company.com	101 Đường GHI, Quận 4, TP.H...	24.004	0123456781	Nguyễn Hữu Nhân
KH005	Công ty JKL	jkl@company.com	202 Đường JKL, Quận 5, TP.H...	24.005	0123456782	Lê Thành Khang

Hình 5. 6 UI quản lý khách hàng

6.3. Validation Rule/ Data Mapping

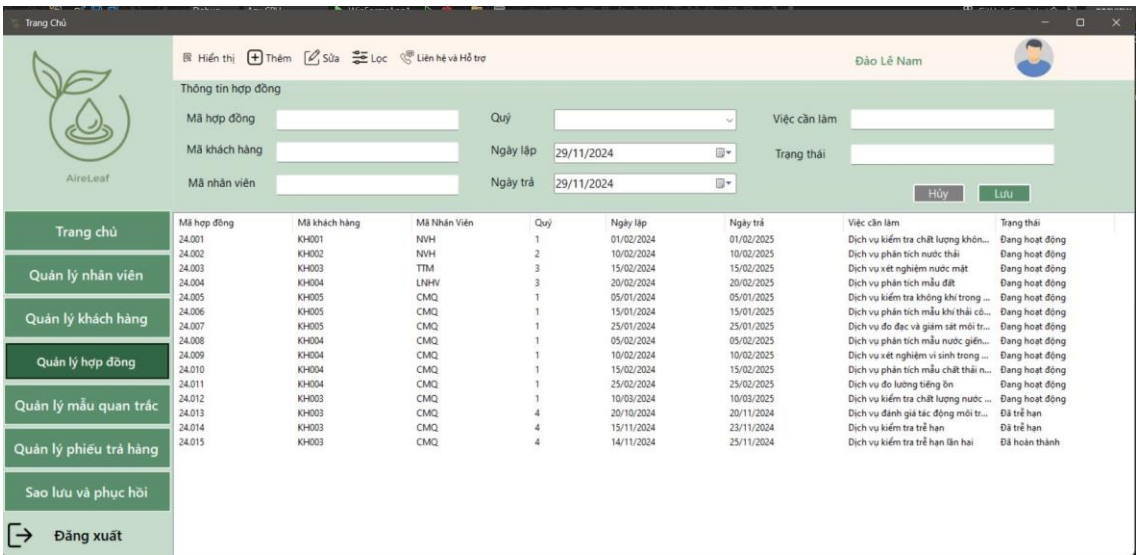
Field	Type	Description
Thêm	Menuitem	Chức năng thêm thông tin khách hàng. chèn dữ liệu vào bảng dbo.Quanlykhachhang.
Sửa	Menuitem	Chức năng sửa thông tin khách hàng, cập nhật dữ liệu trong dbo.Quanlykhachhang
Lọc	Menuitem	Chức năng lọc thông tin khách hàng theo điều kiện
Liên hệ & Hỗ trợ	Menuitem	Liên hệ với nhóm phát triển khi muốn trợ giúp
Thông tin khách hàng	Groupbox	Thông tin một khách hàng
Danh sách thông tin khách hàng	Listview	Danh sách thông tin nhiều khách hàng
Hủy	Button	Hủy các thao tác hiện tại mà không lưu thay đổi.
Lưu	Button	Lưu dữ liệu sau khi đã thao tác xong, cập nhật các thay đổi vào dbo.Quanlykhachhang.

7. Quản lý hợp đồng

7.1. Main flow

Screen	Quản lý hợp đồng
Description	Đây là cửa sổ để quản lý hợp đồng của doanh nghiệp
Screen Access	Màn hình này xuất hiện sau khi người dùng lựa chọn chức năng Quản lý hợp đồng. Người dùng có thể chọn chức năng thêm sửa lọc để theo dõi hợp đồng

7.2. User Interface



Hình 5. 7 UI quản lý hợp đồng

7.3. Validation Rule/ Data Mapping

Field	Type	Description
Hiện thị	Menuitem	Chức năng hiển thị danh sách hợp đồng trễ hạn
Thêm	Menuitem	Chức năng thêm hợp đồng, chèn dữ liệu vào bảng dbo.Quanlyhopdong.
Sửa	Menuitem	Chức năng sửa hợp đồng, cập nhật dữ liệu trong dbo.Quanlyhopdong dựa trên Mahopdong.

Lọc	Menuitem	Chức năng lọc hợp đồng, tìm hợp đồng theo các tiêu chí từ dbo.Quanlyhopdong
Thông tin hợp đồng	Groupbox	Hiển thị thông tin hợp đồng
Mã hợp đồng	Textbox	Mã hợp đồng
Mã khách hàng	Textbox	Mã khách hàng
Mã nhân viên	Textbox	Mã nhân viên
Quý	Combobox	Quý
Ngày lập	Datetimepicker	Ngày lập
Ngày trả	Datetimepicker	Ngày trả
Việc cần làm	Textbox	Việc cần làm
Trạng thái	Textbox	Trạng thái
Bảng hiển thị danh sách hợp đồng	Listview	Hiển thị danh sách hợp đồng
Hủy	Button	Hủy các thao tác hiện tại mà không lưu thay đổi.
Lưu	Button	Lưu dữ liệu sau khi đã thao tác xong, cập nhật các thay đổi vào dbo.Quanlyhopdong

8. Quản lý mẫu quan trắc

8.1. Main flow

Screen	Quản lý mẫu quan trắc
Description	Đây là cửa sổ để quản lý mẫu quan trắc môi trường

Screen Access	Màn hình này xuất hiện sau khi người dùng lựa chọn chức năng Quản lý mẫu quan trắc. Người dùng có thể sử dụng các trường để chọn lựa thông tin phù hợp rồi sử dụng các nút chức năng tùy chọn
----------------------	---

8.2. User Interface

Mã mẫu	Mã hợp đồng	Tên mẫu	Nội dung	Ngày lấy	Ngày trả	Mã nhân viên
D1	24.004	Mẫu quan trắc đất 1	Mẫu đất lấy tại khu vực D	21/02/2024	27/02/2024	CMQ
D2	24.001	Mẫu đất 2 khu vực P	Mẫu đất khu vực P	30/11/2024	03/12/2024	LNHV
KK1	24.001	Mẫu quan trắc không khí 1	Mẫu không khí lấy tại khu vực A	02/02/2024	05/02/2024	NHV
KK2	24.005	Mẫu quan trắc không khí 2	Mẫu không khí lấy tại khu vực E	27/02/2024	29/02/2024	CMQ
KK3	24.001	Mẫu không khí lấy tại khu vực A	Không khí tại khu vực A	21/11/2024	30/11/2024	CMQ
KK4	24.001	Mẫu không khí số 4	Mẫu không khí số 4 khu vực Q	30/11/2024	04/12/2024	CMQ
KK5	24.001	Mẫu không khí 5	Kiểm tra không khí 5	01/12/2024	05/12/2024	CMQ
NM1	24.003	Mẫu quan trắc nước mặt 1	Mẫu nước mặt lấy tại khu vực C	17/02/2024	23/02/2024	TTM
NT1	24.002	Mẫu quan trắc nước thải 1	Mẫu nước thải lấy tại khu vực B	12/02/2024	17/02/2024	NHV

Hình 5. 8 UI quản lý mẫu quan trắc

8.3. Validation Rule/ Data Mapping

Field	Type	Description
Thêm	Menuitem	Thêm mẫu quan trắc, chèn dữ liệu vào bảng dbo.Quanlymaukiemdinh.
Sửa	Menuitem	Sửa mẫu quan trắc, cập nhật dữ liệu trong dbo.Quanlymaukiemdinh
Lọc	Menuitem	Lọc mẫu quan trắc theo điều kiện,
Liên hệ & Hỗ trợ	Menuitem	Liên hệ với nhóm phát triển khi muốn trợ giúp
Thông tin Mẫu Quan trắc	Groupbox	Chứa thông tin một mẫu quan trắc

Mã mẫu	Textbox	Mã mẫu
Mã hợp đồng	Textbox	Mã hợp đồng
Mã nhân viên	Textbox	Mã nhân viên
Nội dung	Textbox	Nội dung
Ngày lấy	Datetime picker	Ngày lấy
Ngày trả	Datetime picker	Ngày trả
Tên mẫu	Textbox	Tên mẫu
Danh sách mẫu quan trắc	Datagridv iew	Hiển thị danh sách mẫu quan trắc
Lưu	Button	Lưu dữ liệu sau khi đã thao tác xong, cập nhật các thay đổi vào dbo.Quanlymaukiemdinh.
Hủy	Button	Hủy các thao tác hiện tại mà không lưu thay đổi.

9. Quản lý phiếu trả hàng

9.1. Main flow

Screen	Quản lý phiếu trả hàng
Description	Đây là chức năng quản lý phiếu trả hàng
Screen Access	Màn hình này xuất hiện sau khi người dùng nhấn nút Quản lý phiếu trả hàng. Tại đây người dùng có thể xem phiếu trả hàng và thực hiện xuất phiếu nếu muốn

9.2. User Interface

Xuất phiếu

Liên hệ và Hỗ trợ

Đào Lê Nam

Chi tiết thông số

Thông số

Đơn vị

Phương pháp phân tích

Kết quả phân tích PTN

Mã mẫu

Mã hợp đồng

Ngày lấy mẫu

Kết quả phân tích HT

Trạng thái kết quả

Trạng thái xử lý

Ngày trả kết quả

Quy chuẩn so sánh

Xác nhận

Trang chủ

Quản lý nhân viên

Quản lý khách hàng

Quản lý hợp đồng

Quản lý mẫu quan trắc

Quản lý phiếu trả hàng

Sao lưu và phục hồi

Đăng xuất

Danh sách phiếu kết quả

Mã mẫu	Mã hợp đồng	Ngày lấy mẫu	Ngày trả kết quả	Trạng thái kết quả phân tích	Trạng thái xử lý
KK1	24.001	02/02/2024	05/02/2024	Chưa có kết quả	Chưa xử lý
NT1	24.002	12/02/2024	17/02/2024	Chưa có kết quả	Chưa xử lý
NM1	24.003	17/02/2024	23/02/2024	Chưa có kết quả	Chưa xử lý
D1	24.004	22/02/2024	27/02/2024	Chưa có kết quả	Chưa xử lý
KK2	24.005	27/02/2024	29/02/2024	Chưa có kết quả	Chưa xử lý
KK3	24.001	21/11/2024	30/11/2024	Đã có kết quả	Đã xử lý
D2	24.001	30/11/2024	03/12/2024	Chưa có kết quả	Chưa xử lý

Chi tiết thông số phiếu trả hàng

Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả Phòng thí nghiệm (PTN)	Kết quả Hiện trường (HT)	Quy chuẩn so sánh

Hình 5. 9 UI quản lý phiếu trả hàng

9.3. Validation Rule/ Data Mapping

Field	Type	Description
Xuất phiếu	Menuitem	Chức năng xuất phiếu trả hàng
Liên hệ & Hỗ trợ	Menuitem	Liên hệ khi cần trợ giúp
Chi tiết thông số	Groupbox	Hiển thị thông số quan trắc
Thông số	Combobox	Thông số
Đơn vị	Combobox	Đơn vị
Phương pháp phân tích	Textbox	Phương pháp phân tích
Kết quả phân tích PTN	Textbox	Kết quả phân tích PTN
Mã mẫu	Textbox	Mã mẫu
Mã hợp đồng	Textbox	Mã hợp đồng

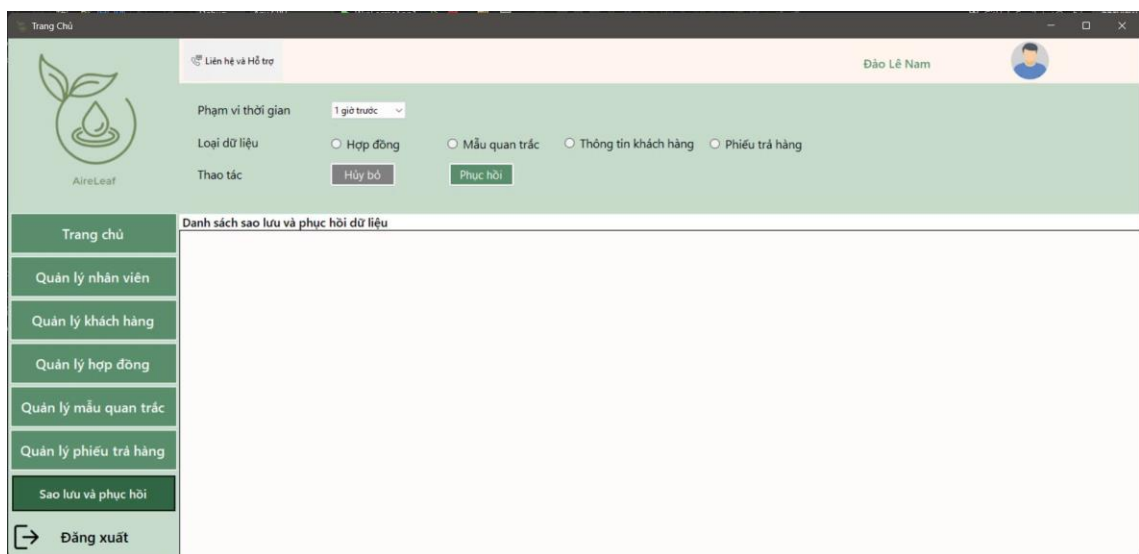
Ngày lấy mẫu	Textbox	Ngày lấy mẫu
Kết quả phân tích HT	Textbox	Kết quả phân tích HT
Trạng thái kết quả	Textbox	Trạng thái kết quả
Trạng thái xử lý	Textbox	Trạng thái xử lý
Ngày trả kết quả	Textbox	Ngày trả kết quả
Quy chuẩn so sánh	Textbox	Quy chuẩn so sánh
Xác nhận	Button	Lưu kết quả vào db.Quanlyphieutrahang

10. Sao lưu và phục hồi dữ liệu

10.1. Main flow

Screen	Sao lưu và phục hồi dữ liệu
Description	Đây là chức năng sao lưu và phục hồi dữ liệu
Screen Access	Màn hình này xuất hiện sau khi người dùng bấm vào nút Sao lưu và phục hồi dữ liệu

10.2. User Interface



Hình 5. 10 UI sao lưu và phục hồi

10.3. Validation Rule/ Data Mapping

Field	Type	Description
Phạm vi thời gian	Combobox	Thời gian muốn sao lưu và phục hồi
Loại dữ liệu	Label	Loại dữ liệu muốn sao lưu hoặc phục hồi
Hợp đồng	Radiobutton	Hợp đồng
Mẫu quan trắc	Radiobutton	Mẫu quan trắc
Thông tin khách hàng	Radiobutton	Thông tin khách hàng
Phiếu trả hàng	Radiobutton	Phiếu trả hàng
Sao lưu	Button	Chức năng sao lưu dữ liệu
Phục hồi	Button	Chức năng phục hồi dữ liệu
Hủy bỏ	Button	Dừng thao tác

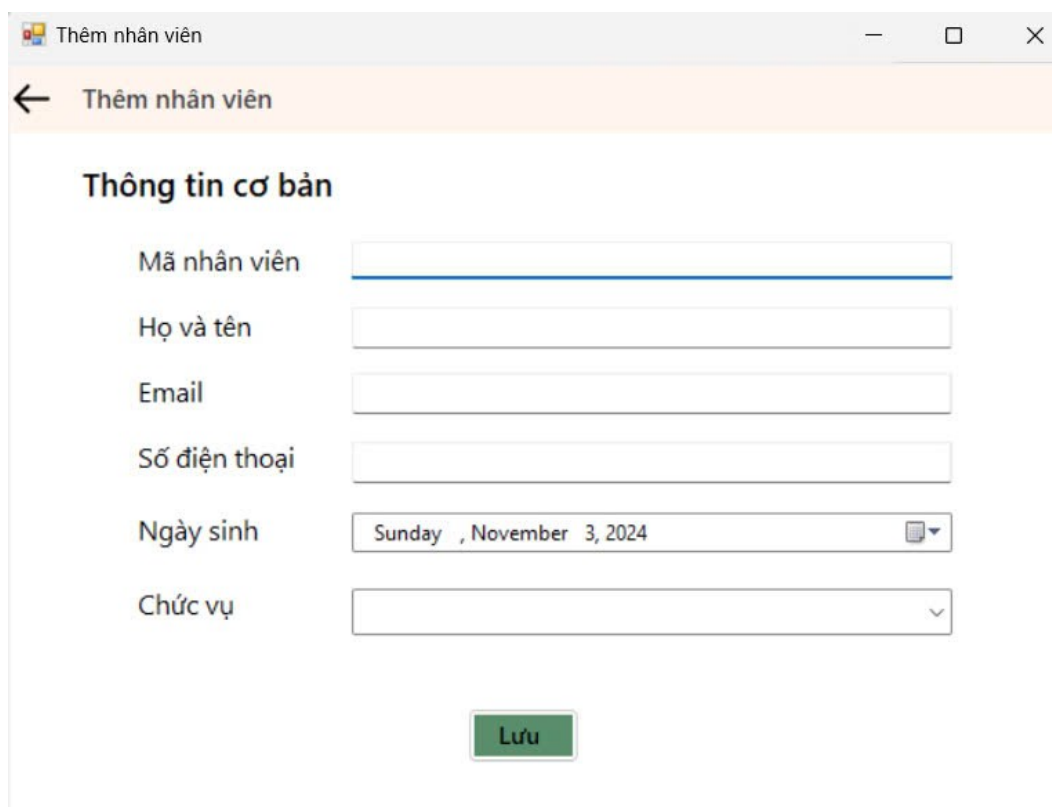
Danh sách sao lưu và phục hồi dữ liệu	Listview	Hiển thị danh sách Danh sách sao lưu và phục hồi dữ liệu
---------------------------------------	----------	--

11. Thêm nhân viên

11.1. Main flow

Screen	Thêm nhân viên
Description	Đây là form để quản lý thêm nhân viên mới
Screen Access	Màn hình này xuất hiện sau khi quản lý ấn nút Thêm trong giao diện quản lý nhân viên

11.2. User Interface



Hình 5. 11 UI thêm thông tin nhân viên

11.3. Validation Rule/ Data Mapping

Field	Type	Description
Mã nhân viên	Textbox	Mã nhân viên
Họ và tên	Textbox	Họ và tên
Email	Textbox	Email
Số điện thoại	Textbox	Số điện thoại
Ngày sinh	Datetimepicker	Ngày sinh
Chức vụ	Combobox	Chức vụ
Lưu	Button	Nút lưu, lưu thông tin nhân viên đã thêm, thêm dữ liệu vào dbo.NHANVIEN.MaNhanVien

12. Thêm khách hàng

12.1. Main flow

Screen	Thêm khách hàng
Description	Đây là form thêm thông tin khách hàng mới
Screen Access	Màn hình này xuất hiện sau khi người dùng chọn nút Thêm trong giao diện quản lý khách hàng

12.2. User Interface

The screenshot shows a standard Windows application window with a title bar containing the text 'themKhachHang' and standard minimize, maximize, and close buttons. The main content area has a light pink background and is enclosed in a dashed red border. At the top center of this area is the title 'Thông tin khách hàng'. Below the title, there are seven text input fields arranged vertically, each preceded by a label: 'Mã khách hàng', 'Tên công ty', 'Địa chỉ', 'Ký hiệu', 'Mã hợp đồng', 'Số điện thoại', and 'Email'. At the bottom right of the form area, there are two green buttons with white text: 'Hủy' and 'Lưu'.

Hình 5. 12 UI thêm thông tin khách hàng

12.3. Validation Rule/ Data Mapping

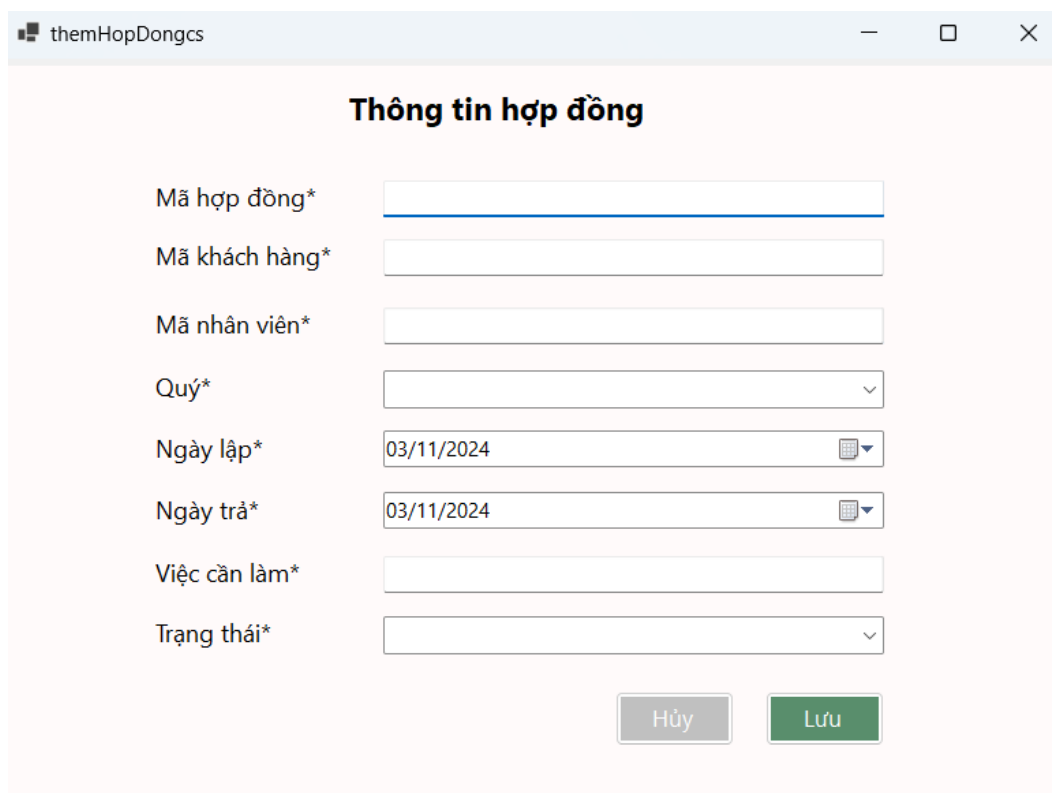
Field	Type	Description
Mã khách hàng	Textbox	Mã khách hàng
Tên công ty	Textbox	Tên công ty
Địa chỉ	Textbox	Địa chỉ công ty khách hàng
Ký hiệu	Textbox	Ký hiệu công ty
Mã hợp đồng	Textbox	Mã hợp đồng
Số điện thoại	Textbox	Số điện thoại
Email	Textbox	Email
Hủy	Button	Nút hủy, thoát khỏi giao diện thêm khách hàng
Lưu	Button	Nút lưu, thông tin khách hàng đã thêm vào bảng dbo.Quanlykhachhang.

13. Thêm hợp đồng

13.1. Main flow

Screen	Thêm hợp đồng
Description	Đây là form dùng để thêm hợp đồng mới
Screen Access	Màn hình này xuất hiện sau khi người dùng bấm vào nút Thêm trong giao diện quản lý hợp đồng

13.2. User Interface



The screenshot shows a web application window titled 'themHopDongcs'. Inside, there's a form titled 'Thông tin hợp đồng'. The form has the following fields:

- Mã hợp đồng* (Text input)
- Mã khách hàng* (Text input)
- Mã nhân viên* (Text input)
- Quý* (Dropdown menu)
- Ngày lập* (Date picker, showing 03/11/2024)
- Ngày trả* (Date picker, showing 03/11/2024)
- Việc cần làm* (Text input)
- Trạng thái* (Dropdown menu)

At the bottom right of the form, there are two buttons: 'Hủy' (Cancel) and 'Lưu' (Save).

Hình 5. 13UI thêm thông tin hợp đồng

13.3. Validation Rule/ Data Mapping

Field	Type	Description
Mã hợp đồng	Textbox	Mã hợp đồng
Mã khách hàng	Textbox	Mã khách hàng
Mã nhân viên	Textbox	Mã nhân viên tạo hợp đồng

Quý	Combobox	Quý lập hợp đồng
Ngày lập	Datetimepicker	Ngày lập hợp đồng
Ngày trả	Datetimepicker	Ngày trả hợp đồng
Việc cần làm	Textbox	Việc cần làm trong hợp đồng
Trạng thái	Textbox	Trạng thái hợp đồng
Hủy	Button	Nút hủy, thoát khỏi giao diện thêm hợp đồng
Lưu	Button	Nút lưu, ghi lại thông tin hợp đồng đã thêm vào bảng dbo.Quanlyhopdong.

14. Thêm mẫu quan trắc

14.1. Main flow

Screen	Thêm mẫu quan trắc
Description	Đây là form dùng thêm mẫu quan trắc mới
Screen Access	Màn hình này xuất hiện sau khi người dùng bấm vào nút Thêm trong giao diện quản lý mẫu quan trắc

14.2. User Interface

Nhập mẫu quan trắc

←

Thông tin cơ bản

Mã hợp đồng

Mã mẫu

Tên mẫu

Nội dung

Ngày lấy

Ngày trả

Mã nhân viên

Lưu

Hình 5. 14 UI thêm mẫu quan trắc

14.3. Validation Rule/ Data Mapping

Field	Type	Description
Mã hợp đồng	Textbox	Mã hợp đồng
Mã mẫu	Textbox	Mã mẫu quan trắc
Loại mẫu	Textbox	Loại mẫu quan trắc
Ngày lấy mẫu	Datetimepicker	Chọn thời gian lấy mẫu
Mô tả sản phẩm	Textbox	Mô tả mẫu quan trắc
Lưu	Button	Nút lưu, lưu thông tin đã nhập, thêm dữ liệu vào dbo.QUANLYMAUKIEMDINH.MaMauThu

15. Lọc thông tin nhân viên

15.1. Main flow

Screen	Lọc thông tin nhân viên
Description	Đây là form dùng để lọc thông tin nhân viên
Screen Access	Màn hình này xuất hiện sau khi quản lý chọn nút lọc trong giao diện quản lý nhân viên

15.2. User Interface

Hình 4. 11 UI lọc nhân viên

15.3. Validation Rule/ Data Mapping

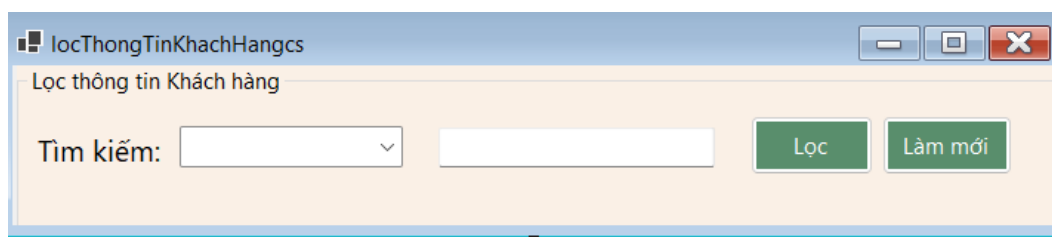
Field	Type	Description
Lọc thông tin Nhân viên	Groupbox	Hiển thị thông tin lọc
Tìm kiếm	Label	Tìm kiếm trường dữ liệu
Lọc	Button	Nút lọc, thực hiện lọc theo điều kiện đã lọc
Làm mới	Button	Nút làm mới, xóa dữ liệu lọc hiện tại

16. Lọc thông tin khách hàng

16.1. Main flow

Screen	Lọc khách hàng
Description	Đây là form dùng để lọc thông tin khách hàng
Screen Access	Màn hình này xuất hiện sau khi người dùng chọn nút lọc trong giao diện quản lý khách hàng

15.6. User Interface



Hình 5. 15 UI lọc thông tin khách hàng

16.3. Validation Rule/ Data Mapping

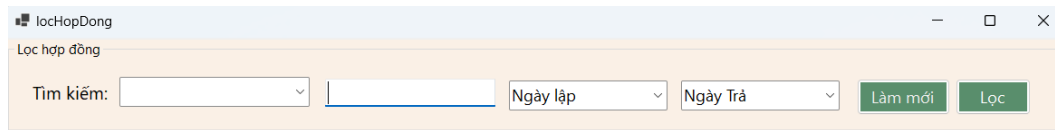
Field	Type	Description
Lọc thông tin Khách hàng	Groupbox	Hiển thị thông tin lọc
Tìm kiếm	Label	Tìm kiếm trường dữ liệu
Lọc	Button	Nút lọc, thực hiện lọc theo điều kiện đã lọc
Làm mới	Button	Nút làm mới, xóa dữ liệu lọc hiện tại

17. Lọc thông tin hợp đồng

17.1. Main flow

Screen	Lọc hợp đồng
Description	Đây là form để lọc hợp đồng.
Screen Access	Màn hình này xuất hiện sau khi người dùng chọn nút Lọc trong giao diện quản lý hợp đồng

17.2. User Interface



Hình 5. 16UI lọc thông tin hợp đồng

16.7. Validation Rule/ Data Mapping

Field	Type	Description
Lọc hợp đồng	Groupbox	Hiển thị thông tin lọc
Tìm kiếm	Label	Tìm kiếm , sau đó nhập giá trị trường muốn lọc
Ngày lập	Combobox	Ngày lập hợp đồng có trong database
Ngày trả	Combobox	Ngày trả hợp đồng có trong database
Làm mới	Button	Nút làm mới, xóa dữ liệu lọc hiện tại
Lọc	Button	Nút lọc, thực hiện lọc theo điều kiện đã lọc

18. Lọc thông tin mẫu quan trắc

178.1. Main flow

Screen	Lọc mẫu quan trắc
Description	Đây là form dùng để lọc mẫu quan trắc môi trường
Screen Access	Màn hình này xuất hiện sau khi người dùng chọn nút Lọc trong giao diện quản lý mẫu quan trắc

17.8. User Interface

Hình 5. 17 UI lọc mẫu quan trắc

17.8. Validation Rule/ Data Mapping

Field	Type	Description
Trạng thái quan trắc	Combobox	Trạng thái quan trắc
Loại mẫu	Combobox	Loại mẫu
Ngày lấy mẫu	Combobox	Ngày lấy mẫu
Kết quả quan trắc	Combobox	Kết quả quan trắc

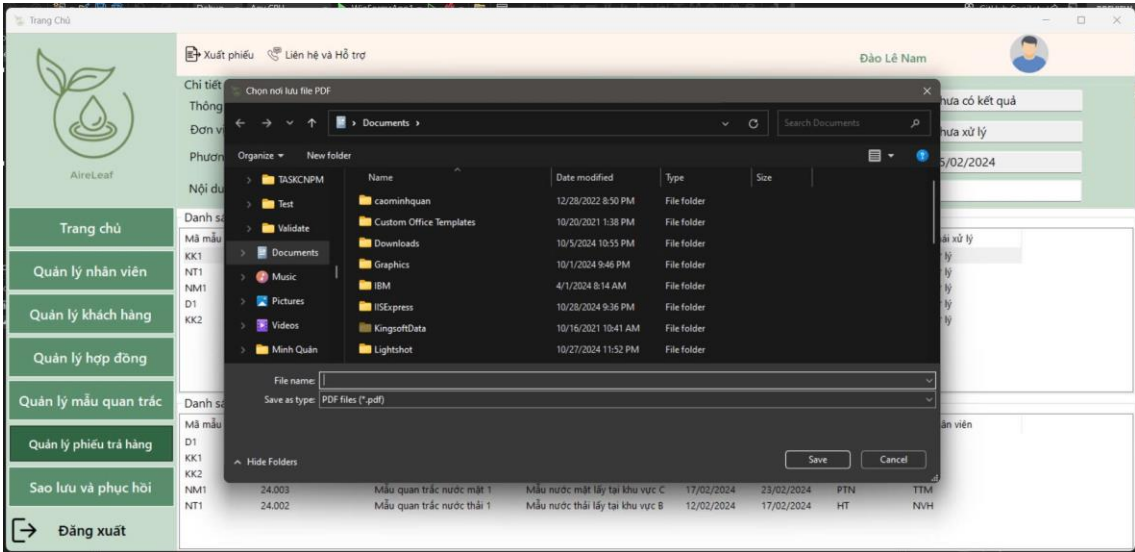
Lọc	Button	Nút lọc, thực hiện lọc theo điều kiện đã lọc
-----	--------	--

19. Xuất phiếu trả hàng

19.1. Main flow

Screen	Xuất phiếu trả hàng
Description	Đây là form để nhân viên có thể xuất phiếu trả hàng
Screen Access	Màn hình này xuất hiện sau khi nhân viên ấn nút Xuất phiếu trong giao diện quản lý phiếu trả hàng

19.2. User Interface



Hình 5. 18 UI xuất phiếu trả hàng

20. Thông báo qua email

20.1. Main flow

Screen	Thông báo qua email
Description	Đây là form để quản lý có thể thông báo cho nhân viên qua email

Screen Access	Màn hình này xuất hiện sau khi quản lý ấn nút Thông báo email trong giao diện quản lý nhân viên
----------------------	---

20.2. User Interface

Hình 5. 19 UI thông báo Email cho nhân viên

20.3. Validation Rule/ Data Mapping

Field	Type	Description
Chọn nhân viên	Combobox	Chọn nhân viên
Tiêu đề	Textbox	Tiêu đề email
Nội dung	Textbox	Nội dung email
Gửi Email	Button	Nút Gửi Email, gửi email đến nhân viên

21. Hiệu suất nhân viên

21.1. Main flow

Screen	Hiệu suất nhân viên
Description	Đây là form để quản lý theo dõi hiệu suất làm việc của nhân viên
Screen Access	Màn hình này xuất hiện sau khi quản lý ấn nút Hiệu suất trong giao diện quản lý nhân viên

20.2. User Interface

Hiệu suất nhân viên

Nhập mã nhân viên Chọn quý: Nhập năm:

Danh sách nhân viên

Mã nhân viên	Họ và tên	Email	Số điện thoại	Ngày sinh	Chức vụ
CMQ	Cao Minh Quân	415quanco@gmail.com	0945338941	14/06/1999	Nhân viên
LHA	Lê Hoàng Anh	lehoanganh@gmail.com	0934567890	20/08/1992	Nhân viên

Tổng số hợp đồng trong quý của nhân viên: Tổng số lượng hợp đồng của công ty: Tổng số hợp đồng trong quý của công ty:

THỐNG KÊ CHI TIẾT

Biểu đồ thống kê số lượng hợp đồng Biểu đồ tỉ lệ đóng góp của nhân viên trong quý Biểu đồ số lượng hợp đồng của nhân viên so với công ty trong quý

Hình 5. 20 UI hiệu suất nhân viên

21.3. Validation Rule/ Data Mapping

Field	Type	Description
Tìm kiếm	Textbox	Tìm thông tin trong form
Thông tin hiệu suất	Groupbox	Chứa chỉ tiêu đánh giá hiệu suất nhân viên
Mã nhân viên	Textbox	Mã nhân viên

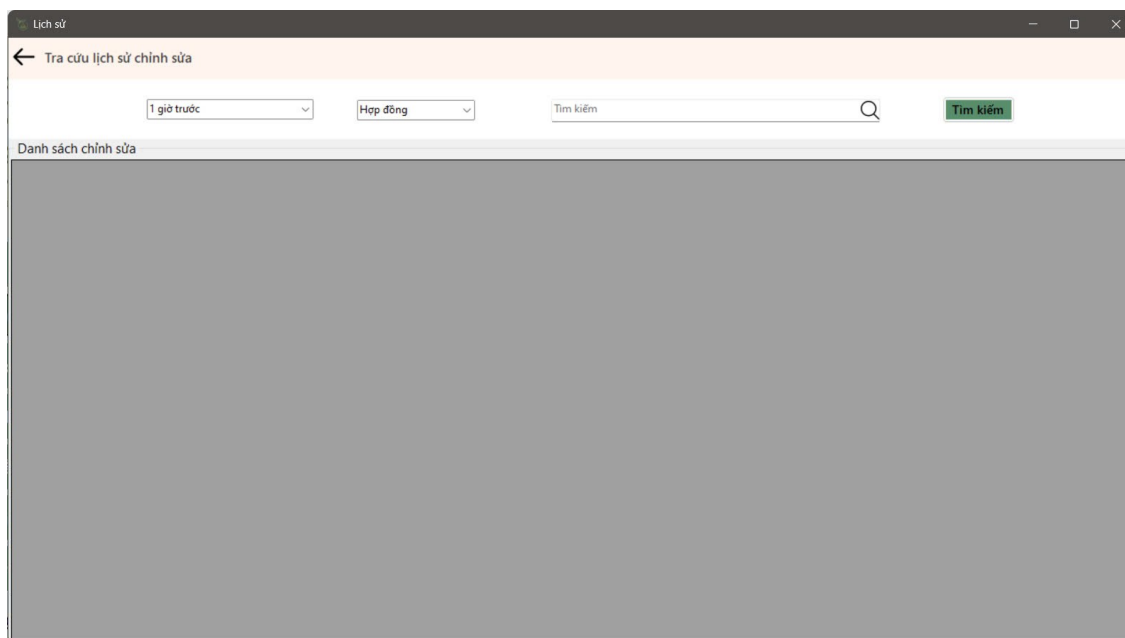
Tên nhân viên	Textbox	Tên nhân viên
Số giờ làm việc	Textbox	Số giờ làm việc
Dự án hoàn thành	Textbox	Dự án hoàn thành
Đánh giá	Textbox	Đánh giá
Chỉ số KPI	Textbox	Chỉ số KPI
Xác nhận	Button	Nút xác nhận, xác nhận bảng báo cáo hiệu suất nhân viên

22. Tra cứu lịch sử chỉnh sửa

22.1. Main flow

Screen	Tra cứu lịch sử chỉnh sửa
Description	Đây là form để quản lý có thể tra cứu lịch sử chỉnh sửa của nhân viên
Screen Access	Màn hình này xuất hiện sau khi quản lý ấn nút Tra cứu lịch sử trong giao diện quản lý nhân viên

22.2. User Interface



Hình 5. 21 UI tra cứu lịch sử nhân viên

22.3. Validation Rule/ Data Mapping

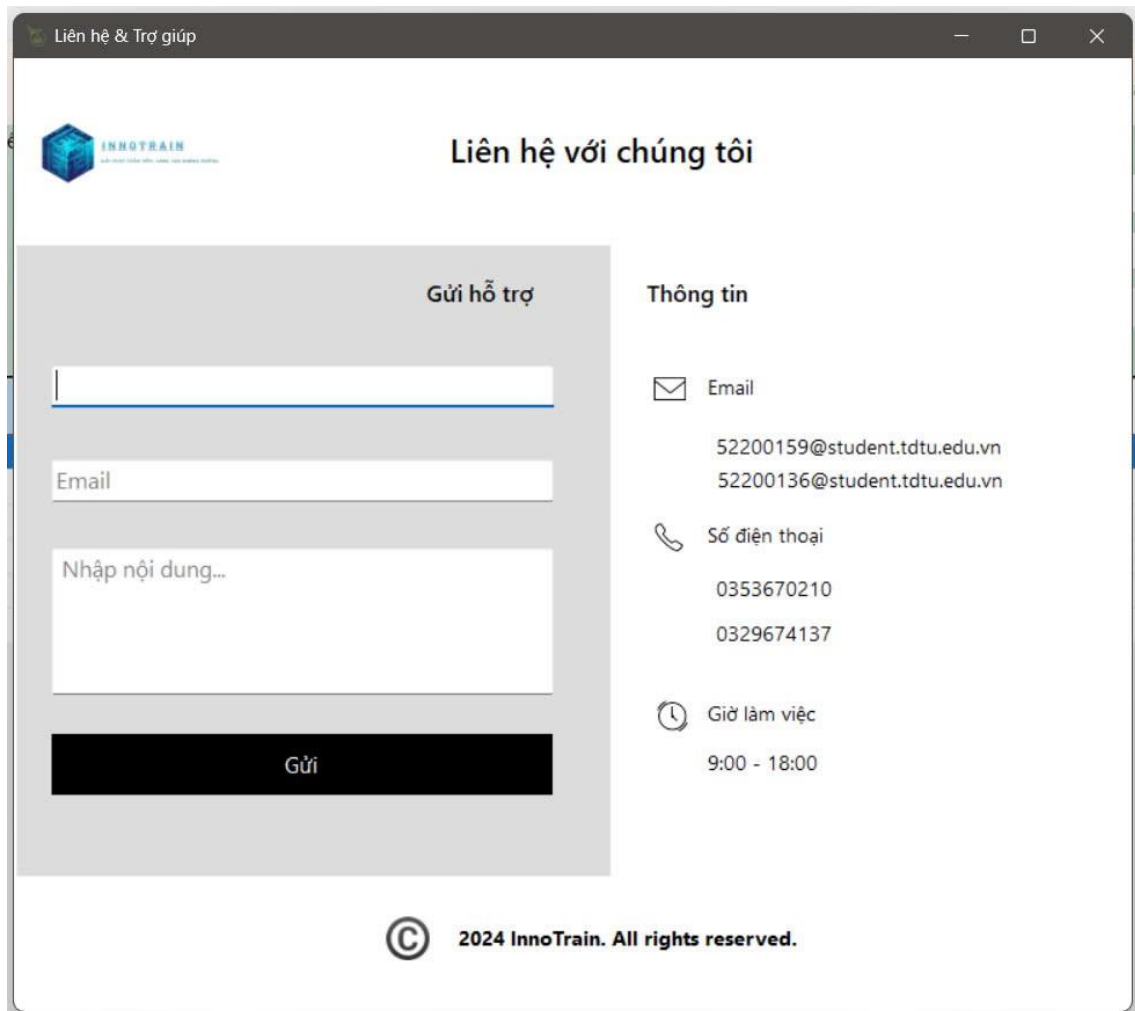
Field	Type	Description
Ngày chỉnh sửa	Combobox	Ngày chỉnh sửa
Tìm kiếm	Textbox	Tìm kiếm thông tin
Tìm	Button	Nút tìm, thực hiện lọc thông tin đã tìm kiếm

23. Liên hệ và trợ giúp

23.1. Main flow

Screen	Liên hệ và trợ giúp
Description	Đây là form nếu gặp vấn đề với phần mềm sẽ liên hệ với nhóm phát triển để giải quyết
Screen Access	Màn hình này xuất hiện sau khi người dùng ấn nút Liên hệ & Trợ giúp trong giao diện

22.3. User Interface



Liên hệ & Trợ giúp

Liên hệ với chúng tôi

Gửi hỗ trợ

Email

Nhập nội dung...

Gửi

Thông tin

Email

52200159@student.tdtu.edu.vn
52200136@student.tdtu.edu.vn

Số điện thoại

0353670210
0329674137

Giờ làm việc

9:00 - 18:00

© 2024 InnoTrain. All rights reserved.

Hình 5. 22 Liên hệ trợ giúp

22.3. Validation Rule/ Data Mapping

Field	Type	Description
Họ và tên	Textbox	Nhập thông tin họ và tên
Email	Textbox	Nhập thông tin email
Nhập nội dung	Textbox	Nhập nội dung cần trợ giúp

Gửi	Button	Gửi email tới nhóm phát triển và email xác nhận tới người gửi mail
-----	--------	--